

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HC-PT

Ngày 02 - 02 - 2023

V/v Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Nguyễn Thế Lê.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 375/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2022, về “*Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 507/2023/QĐPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông VVH, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông DVQ - Luật sư Công ty Luật TNHH A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L và Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông VVH1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện huyện L, tỉnh B. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Minh Tân: Ông NVĐ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Tân. (có mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã T: Ông LVH2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. (có mặt)

3.3. Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của thôn T, xã T: Ông NVK - Trưởng thôn T, xã T. (vắng mặt)

3.4. Bà NTH3, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông VVH trình bày:

Từ năm 2007 đến năm 2009, do nhu cầu kinh phí để xây dựng Nhà văn hoá và làm đường bê tông, được sự nhất trí chỉ đạo của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện L, tỉnh B. Ban lãnh đạo Thôn T, xã T, huyện L đã thông báo việc chuyển nhượng một số diện tích đất tại khu Vườn Đông Đồng Đáy của thôn và vận động người dân mua đất nông nghiệp với cam kết sẽ hoàn thiện đầy đủ giấy tờ sử dụng lâu dài cho người mua với giá chuyển nhượng đất thuỷ sản lâu dài cho người mua với giá là 7.000.000 đồng/sào và thu tiền làm giấy tờ cho người mua sử dụng lâu dài là 300.000đồng/sào.

Ông đã mua 2890m² đất canh tác có tứ cận phía Tây dài 37,6m giáp đường mương; phía Đông dài 51,6m giáp đất nhà ông Phạm Văn Trào; phía Nam dài 63,7m giáp mương; phía Bắc dài 65,9m giáp đường trục giữa theo Biên bản chuyển nhượng đất nuôi trồng thủy sản ngày 07/10/2008. Hiện nay là thửa số 121, tờ bản đồ số 3, diện tích 2882,4m². Gia đình ông đã sử dụng đất ổn định lâu năm, không tranh chấp, hàng năm có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đầy đủ từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất đến hiện tại.

Tại Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L (gọi tắt là Quyết định số 2725) về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thửa đi Văn Thai, huyện L, diện tích đất bị thu hồi của ông H là 494,2m². Tuy nhiên Quyết định 2725 lại xác định diện tích bị thu hồi của gia đình ông là “đất công ích”, sử dụng theo hình thức "tạm giao" và có nội dung ghi chú là “mua đất của thôn (7 triệu/sào có hợp đồng chuyển nhượng giữa thôn với các hộ trước ngày 01/7/2014) bồi thường hỗ

trợ cho hộ gia đình 30% giá đất", ông không đồng ý với nội dung Quyết định số 2725 nêu trên.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 1375) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Theo đó, nội dung khiếu nại mà ông đã đưa ra không được chấp nhận, diện tích đất bị thu hồi mà gia đình ông đang sử dụng vẫn được xác định là đất công ích. Trong khi đó, diện tích đất ông đang sử dụng có nguồn gốc mua của thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B (có văn bản chuyển nhượng viết tay) từ năm 2008-2009 và đã sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng đến nay.

Ông đồng ý với chủ trương chính sách thu hồi đất của Nhà nước, tuy nhiên ông không đồng ý với phương án bồi thường được phê duyệt theo giá đất tạm giao. Ông mua đất với giá đất lâu dài, sau khi mua đất đã bỏ công sức tân tạo nên ông đề nghị phải bồi thường cho ông theo giá đất giao lâu dài. Đối với diện tích còn lại chưa thu hồi ông đề nghị chính quyền hợp thức hóa cho ông quyền sử dụng hợp pháp là đất lâu dài để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông. Nay ông yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

Hủy một phần Quyết định số 2725 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thừa đi Văn Thai, huyện L đối với ông VVH.

Hủy Quyết định số 1375 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông VVH.

Xác định diện tích đất 2882,4 m² gia đình ông H đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

Dại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

- Về việc lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ:

Đối với công tác lập hồ sơ thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (viết tắt là GPMB) Dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường GPMB) đã thực hiện các bước quy trình đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình thực hiện chi trả tiền bồi thường, đến nay còn 06 hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; trong đó có hộ ông VVH, thường trú thôn T, xã T, huyện L: Thửa đất số 121, tờ bản đồ địa chính số 26 xã Minh Tân, diện tích 2.882,4m², do hộ gia đình ông VVH đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích cần thu hồi để thực hiện Dự án là 494,2m², hình thức sử dụng là đất tạm giao. Kinh phí được bồi thường, hỗ trợ 10.378.200đồng.

- Về việc giải quyết đơn của 06 hộ gia đình, cá nhân:

Trong thời gian công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng bồi thường GPMB Dự án nhận được đơn đề nghị của 06 hộ gia đình, cá nhân gồm: VVH, Phạm Văn Trào, Bùi Văn Cảnh, Bùi Xuân Thanh, Trần Văn Toàn và Phạm Văn Ba (Tổng Đức Hưng) đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB Dự án xem xét lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là đất nông nghiệp giao ổn định, lâu dài.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1375 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của 06 công dân trên.

Tại Điều 1, Quyết định 1375 có ghi: *“Không chấp nhận nội dung khiếu nại của các công dân, vì các công dân không cung cấp được bằng chứng, chứng cứ có liên quan để xác định diện tích đất công dân đang khiếu nại là đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao ổn định, lâu dài để được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất giao ổn định, lâu dài như đơn khiếu nại của công dân. Do vậy, nội dung khiếu nại của 06 công dân VVH, Phạm Văn Trào thôn T, xã T; Bùi Văn Cảnh, Bùi Xuân Thanh, thôn Thận Trai, xã Minh Tân; Trần Văn Toàn, Phạm Văn Ba, thôn Hương Trai, xã Minh Tân là không có cơ sở pháp lý”*.

- Về nguồn gốc thửa đất:

Thửa đất mà hộ gia đình ông VVH có đơn:

Thửa đất số 121, tờ bản đồ địa chính số 26 xã Minh Tân, huyện L, tỉnh B có diện tích 2.882,4m², do hộ gia đình ông VVH đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích cần thu hồi để thực hiện Dự án là 494,2m².

Về diện tích đất nông nghiệp của hộ ông VVH được giao theo định suất năm 1993, năm 2016:

Năm 1993, hộ gia đình ông VVH được Nhà nước giao 2,0 định suất với tổng diện tích đất nông nghiệp được giao là 1.851,0m².

Năm 2016, theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND huyện L, tỉnh B về việc phê duyệt phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thôn T, xã T và kết quả thực hiện Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai huyện L, hộ gia đình ông VVH được giao 03 thửa đất với tổng diện tích đất nông nghiệp là 1.867,2m².

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông VVH được giao năm 2016 nhiều hơn diện tích đất nông nghiệp được giao năm 1993 là 16,2m². Hộ gia đình ông H không có ý kiến, kiến nghị, phản ánh về kết quả dồn điền đổi thửa đã được UBND huyện L phê duyệt năm 2016, hiện đang canh tác, sử dụng thửa đất này.

Căn cứ pháp lý lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB: Căn cứ vào Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, UBND huyện L đã giao đất nông nghiệp theo định suất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Đối chiếu giữa Hồ sơ địa chính năm 1993, 1999 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ địa chính) và Hồ sơ địa chính năm 2016, Phương án dồn điền đổi thửa được UBND huyện L phê duyệt năm 2016 cho thấy, diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân có sự tương đồng.

Trong quá trình rà soát, thu thập hồ sơ, giấy tờ sử dụng đất của các hộ gia đình cung cấp cho thấy: Toàn bộ các thửa đất mà các công dân có Đơn được cơ sở thôn T, xã T giao trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2009 với giá chuyển nhượng bình quân là 7.000.000 đồng/sào, lệ phí chuyển dịch là 300.000 đồng/sào với thời hạn là lâu dài để nuôi trồng thủy sản. Việc cơ sở thôn T, xã T giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân là không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn.

Ngày 01/9/2020, UBND huyện L, tỉnh B có Văn bản số 781/UBND-TNMT về việc đồng ý cho phép bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án. Trong đó có nội dung: “3. Đồng ý các thửa đất thôn T bán cho các hộ gia đình (có biên bản viết tay giữa hộ và lãnh đạo thôn T) năm 2008, 2009 của các hộ: Bùi Văn Cảnh, Bùi Xuân Thanh, Tống Đức Hưng, Phạm Văn Trào, Trần Văn Toàn, VVH cho phép bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp công ích. Đối với các trường hợp khác thôn bán sau ngày 01/7/2014 không bồi thường, hỗ trợ cho các hộ.”

Căn cứ vào Điều 82, khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và điểm d khoản 1 Điều 25 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 (trương ứng với điểm c khoản 1 Điều 21 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020) của UBND tỉnh B, việc UBND huyện L quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 06 hộ gia đình cá nhân trên là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Minh Tân quản lý là đúng quy định, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông VVH, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã T và xã Minh Tân đồng ý quan điểm của UBND huyện L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện thôn T, xã T trình bày:

Diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông VVH đang có đơn khởi kiện có nguồn gốc trước đây là thung vũng, vườn, đồng do chính quyền thôn T, xã T bán cho các hộ dân từ thời kỳ năm 2007-2009 để lấy kinh phí xây dựng Nhà văn hóa, làm đường phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Đến nay các hộ gia đình vẫn đang sử dụng đất mua nêu trên và chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Quá trình sử dụng diện tích đất nông nghiệp này, thôn T có thu khoán của các hộ gia đình theo quy định của địa phương, đối với thuế thì đất nông nghiệp được miễn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; các Điều 18, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông VVH gồm:

- Bác yêu cầu Hủy một phần Quyết định số 2725 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thửa đi Văn Thai, huyện L đối với ông VVH.

- Bác yêu cầu Hủy Quyết định số 1375 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông VVH.

- Bác yêu cầu Xác định diện tích đất 2882,4m² gia đình ông H đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2022, người khởi kiện là ông VVH có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông VVH giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông VVH đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, tuyên sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông VVH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông VVH, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 06/7/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: ngày 15/9/2021, ông VVH có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 2725 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thửa đi Văn Thai, huyện L và Quyết định số 1375 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của ông VVH, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2725 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án và Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giai đoạn 2 (đợt 2) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thửa đi Văn Thai, huyện L:

Về hình thức và thẩm quyền ban hành: Quyết định số 2725 và Quyết định số 2726/QĐ-UBND của UBND huyện L được ban hành theo quy định, đúng thẩm quyền, hình thức văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Về trình tự, thủ tục ban hành: UBND huyện L ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Quyết định số 2726 thì gia đình ông H bị thu hồi tổng diện tích 494,2m² đất nông nghiệp tạm giao (đất công ích); tổng số tiền bồi thường hỗ trợ về đất là: 10.378.200đồng. Gia đình ông H đồng ý với diện tích đất bị thu hồi nhưng không đồng ý theo giá đất tạm giao mà yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo giá đất giao lâu dài, Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng:

Về nguồn gốc đất thu hồi: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác định toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi của gia đình ông VVH 494,2m²/2882,4m² là do thôn T, xã T, huyện L giao trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2009 với giá chuyển nhượng bình quân là 7.000.000đồng/sào, lệ phí chuyển dịch là 300.000đồng/sào với thời hạn lâu dài để nuôi trồng thủy sản. Diện tích đất nông nghiệp này của gia đình ông H chưa được cấp GCNQSDĐ. Gia đình ông H cũng đã được địa phương giao đất nông nghiệp để canh tác đầy đủ theo định suất từ năm 1993 và theo phương án dồn điền đổi thửa năm 2016. Như vậy, căn cứ quy định của Luật Đất đai thì thôn T, xã T bán 2882,4m² đất nông nghiệp lâu dài cho gia đình ông H là không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn giao đất nên UBND huyện L khi thu hồi đất

đã xác định 2882,4m² đất nông nghiệp tạm giao (đất công ích) là đúng quy định. Việc ông H đề nghị Tòa án xác định 2882,4m² nêu trên là đất nông nghiệp giao lâu dài là không có căn cứ.

Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thửa đi Văn Thai, huyện L thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, nên giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo Quyết định 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 và Quyết định 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh B. Xem xét các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì mức bồi thường, hỗ trợ tiền đất, hoa màu trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B được xác định là: bồi thường, hỗ trợ về đất 21.000đ/m²; bồi thường, hỗ trợ hoa màu 9.000 đ/m². Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 30.000đ/m². Như vậy, đối chiếu với các Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 2726 thì mức bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông H là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu thấy:

Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành: Ông VVH và 05 hộ dân có khiếu nại đối với Quyết định số 2725. Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số: 1375/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng trình tự thủ tục cũng như thẩm quyền và hình thức theo quy định tại các Điều 18, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Về căn cứ ban hành Quyết định số 1375: Như đã viện dẫn ở trên, việc UBND huyện L thu hồi đất nông nghiệp của gia đình ông H để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn thị trấn Thửa đi Văn Thai, huyện L là đúng quy định pháp luật. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1375 không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông VVH và các hộ dân khác là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu của ông H đề nghị xác định diện tích đất 2882,4m² của gia đình ông đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài thấy: Đây là yêu cầu không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh B đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm phía người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông VVH, cần giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30/6/2022

của Tòa án nhân dân tỉnh B theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông VVH phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông VVH. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Về án phí: Ông VVH phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000196 ngày 18/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS B;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh